

Số: 614/TB-TrTHCS

Hưng Đạo, ngày 15 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

**Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục của nhà trường
Về thông tin kết quả giáo dục thực tế năm học 2024-2025**

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Thông tin chung:	13	4	3	3	3
1	Kết quả tuyển sinh	151	151			
2	Tổng số học sinh theo từng khối	515	151	140	115	109
3	Số HS bình quân/lớp theo từng khối	39,6	37,7	46,6	38,3	36,3
4	Số lượng HS học 02 buổi/ngày	0	0	0	0	0
5	Số lượng HS nam/ HS nữ	253/262	80/71	66/74	62/53	45/64
6	Số HS là người dân tộc thiểu số	02	02	0	0	0
7	Số HS khuyết tật	09	2	4	2	
8	Số lượng HS chuyển trường và tiếp nhận HS:					
	+ Số lượng HS chuyển đi	04	2	2		
	+ Số lượng HS tiếp nhận chuyển đến	03	1	1	1	
II	Thông kê kết quả đánh giá học sinh	515	151	140	115	109
	1. Số HS chia theo Hạnh kiểm/ Rèn luyện	515	151	140	115	109
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	512	150 99.34%	139 99.29%	114 99,13%	109 100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	03	1 0,66%	1 0.71%	1 0.87%	0
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

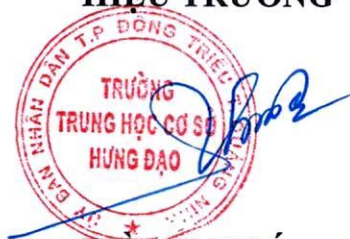
STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	2. Số HS chia theo Học lực/ Học tập	515	151	140	115	109
1	Giỏi/Tốt (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	132	41 27.15%	34 24.29%	20 17.39%	37 33.94%
2	Khá (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	249	72 47.68%	70 50%	62 53.91%	45 41.28%
3	Trung bình/Đạt (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	134	38 25.17%	36 25.71%	33 28.7%	27 24.77%
4	Yếu/Chưa đạt (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0	0	0	0	0
5	Kém (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0	0	0	0	0
	3. Tổng hợp kết quả cuối năm	515	151	140	115	109
1	Lên lớp (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	515 100%	151 100%	140 100%	114 100%	109 100%
a	Học sinh xuất sắc (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	13 2.52%	3 1,99%	3 2,14%	4 3,48%	3 2,75%
b	Học sinh giỏi (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	119 23.11%	38 25.17%	31 22,14%	16 13.91%	34 31.19%
c	Học sinh tiên tiến (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)					
2	Thi lại (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0	0	0	0	0
4	Bị đuổi học (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0	0	0	0	0
5	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0	0	0	0	0
III	Số lượng HS được công nhận hoàn thành chương trình	109				109
IV	Số lượng HS được cấp bằng tốt nghiệp	109				109
	Giỏi (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)					
	Khá (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)					
	Trung bình (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)					

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
V	Số lượng HS trúng tuyển vào các CSGD nghề nghiệp (Tỉ lệ/Số học sinh)					

Nơi nhận:

- CBGVVN nhà trường;
- Đăng tải Website đơn vị;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thắm